TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **403/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2022
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi,** Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Dịu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Q – sinh năm 1985. Có mặt

2. **Bị đơn**: Anh Trịnh Đình T – sinh năm 1983. Vắng mặt

Đều có HKTT và cư trú tại: Đội 8, thôn 5, xã QB, huyện CM, thành phố HN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Trịnh Đình T ngày 19/10/2006 tại UBND xã QB, huyện CM, thành phố HN. Sau khi chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì mâu thuẫn phát sinh vì vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân chị luôn cảm thấy hôn nhân nặng nề, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm nữa. Hiện nay vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc đến nhau, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết sớm cho chị được ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống,

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 và Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011. Ly hôn chị Q có nguyện vọng nuôi cả 02 con, nếu phải chia thì chị xin nuôi cháu Trịnh Đình V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị Q làm hộ lý tại bệnh viện CM, HN. Lương tháng khoảng 5.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, biên bản Hòa giải bị đơn anh Trịnh Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/10/2006 tại UBND xã QB, huyện CM, thành phố HN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian dài tuy nhiên gần đây do mâu thuẫn về cách dạy bảo con cái nên vợ chồng có va chạm, anh và chị Q có đánh cãi chửi nhau dẫn đến chị Q có thái độ sống khác đi, chị Q chung sống với anh không chung thực, luôn gây những hiểu lầm và mâu thuẫn trong gia đình, tuy nhiên anh vẫn tha thứ hết những lỗi lầm của chị để con cái được sống vui vẻ nhưng chị Q không hiểu dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị Q xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, vì tình cảm vẫn còn

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Q có 02 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 và Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011. Nếu ly hôn, anh T xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Phương A, cháu V cho đến khi các con chung trưởng thành. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Hiện tại anh T làm nghề tự do, mức lương trung bình hàng tháng là khoảng 16.000.000đ/01 tháng

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án:

3.1. Ông Trịnh Tuấn T là bố đẻ anh Trịnh Đình T trình bày: Anh T và chị Q kết hôn từ năm 2006. Quá trình anh chị chung sống thì nhiều năm đầu không có mâu thuẫn gì lớn. Một vài năm gần đây sau khi 2 vợ chồng chuyển lên thị trấn Chúc Sơn để sinh sống và làm việc thì có mâu thuẫn, chị Q thường xuyên nói dối bố mẹ dẫn đến gia đình ông không tin tưởng chị Q. Về con chung thì chị Q anh T có 02 con chung là Trịnh Phương A và Trịnh Đình V. Nếu anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa giao con chung cho anh T và ông bà nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ chung của anh chị không có.

- Tại phiên Tòa chị Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 cháu Trịnh Phương A và Trịnh Đình V. Trong trường hợp không được nuôi cả 2 cháu thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trịnh Phương A vì cháu là con gái ở với mẹ sẽ có điều kiện chăm sóc cháu, còn nhường quyền nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình V cho anh T. Việc cấp dưỡng

nuôi con hai bên cha mẹ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Đình T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trịnh Đình T. Về con chung: Giao 01 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Giao 01 con chung là Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Q, anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh T không yêu cầu nên không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Đình T cư trú tại xã QB, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trịnh Đình T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Trịnh Đình T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2006 tại UBND xã QB, huyện CM, thành phố HN nên hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị Q, anh T và kết quả thu thập

chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị Q, anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường hay có những cãi vã xúc phạm nhau, ảnh hưởng cả về thể chất lẫn tinh thần của cả hai người, mâu thuẫn cả việc nuôi dạy các con chung. Trước yêu cầu của chị Q xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án tham gia phiên xét xử. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Q xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Q và anh T xác nhận có 02 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 và Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011. Khi ly hôn chị Q xin nuôi dưỡng cháu Phương A. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Xét thấy cháu Phương A, cháu V đã trên 07 tuổi, cả 02 con chung là cháu Phương A, V đều có nguyện vọng ở với mẹ, quá trình giải quyết vụ án chị Q có nguyện vọng nuôi cả hai con hoặc nuôi cháu Trịnh Đình V. Tại phiên tòa chị có nguyện vọng được nuôi cháu Phương A. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các con chung, cùng với nguyện vọng của cả hai bên cha mẹ và bảo đảm quyền lợi cũng như được nuôi dưỡng tốt nhất, tạo sự công bằng trong nguyện vọng được chăm sóc con của cả hai bên cha mẹ cần giao 01 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Giao 01 con chung là Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Q, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q, anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Q, anh T cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trịnh Đình T

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Trịnh Phương A, sinh ngày 25/7/2007 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao 01 con chung là Trịnh Đình V, sinh ngày 07/12/2011 cho anh Trịnh Đình T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

Chị Q, anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q, anh T cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076101 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã QB, huyện CM, Tp. HN (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Dũng